

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch Xúc tiến đầu tư tỉnh Lào Cai
giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 80/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 250-CV/TU ngày 18/8/202 của Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc công bố địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 2333 /QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai 5 năm 2026-2030;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 01 /TTr-STC ngày 04/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xúc tiến đầu tư tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó CTUBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Báo và PT, TH tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH(Thảo), KT (Long).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Sinh

KẾ HOẠCH
XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

I. BỐI CẢNH CHUNG

Trong thời gian tới, tình hình thế giới có sự chuyển biến nhanh, phức tạp; hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế căn bản; toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và liên kết kinh tế tiến triển nhanh, cạnh tranh thương mại diễn ra gay gắt. Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư phát triển mạnh mẽ vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra thách thức.

Trong nước, sau 40 năm đổi mới có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế tiếp tục được nâng lên. Những quyết sách lớn của Trung ương, nhất là cải cách thể chế thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, đối ngoại và hợp tác quốc tế là cơ hội, động lực tăng trưởng mới cho Lào Cai phát triển. Hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái hợp nhất tạo không gian phát triển mới, quy mô rộng lớn, năng lực cạnh tranh cao và khả năng liên kết vùng mạnh mẽ.

Bối cảnh đó, đòi hỏi các cấp, các ngành, các địa phương năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới, tạo bước đột phá xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển.

II. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát thực tiễn, đảm bảo tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, văn bản hướng dẫn của Trung ương; thực hiện quyết liệt “bộ tứ trụ cột” các nghị quyết của Bộ Chính trị¹; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng và hoàn thiện thể chế, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới; khơi thông, giải phóng sức sản xuất, nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, tạo đột phá xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”.

¹ Bộ tứ trụ cột bao gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

2. Triển khai hiệu quả chiến lược thu hút đầu tư với phương châm “Doanh nghiệp phát tài, Lào Cai phát triển” và tinh thần “Lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”. Tập trung thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực về vốn, quản trị tiên tiến, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, dẫn dắt phát triển các ngành, lĩnh vực, các khu vực kinh tế trọng điểm theo định hướng của tỉnh. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, thu hút đầu tư tư nhân vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

3. Công tác xúc tiến đầu tư cụ thể hóa về địa bàn, lĩnh vực, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, tập trung, không dàn trải, chất lượng, thực chất. Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng có chọn lọc, linh hoạt, đa dạng, hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong các hoạt động.

4. Mở rộng hợp tác kinh tế theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, chủ động hội nhập hiệu quả; thúc đẩy, làm sâu sắc, toàn diện trong hợp tác với các đối tác truyền thống, nhà đầu tư chiến lược, khai thác các đối tác, nhà đầu tư tiềm năng, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh mở rộng đầu tư, kinh doanh với các đối tác.

III. ĐỊNH HƯỚNG

1. Về ngành, lĩnh vực ưu tiên xúc tiến, thu hút đầu tư

Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh 5 năm 2026 - 2030; Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đột phá mạnh mẽ về cơ chế, chính sách phát triển, khơi thông, giải phóng, huy động mọi nguồn lực để tập trung ưu tiên phát triển 04 trụ cột phát triển gồm: (i) Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; đầu tư hoàn thiện các khu, cụm công nghiệp phía Nam và phía Bắc của tỉnh theo hướng xanh, hiện đại; (ii) phát triển kinh tế nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị, chất lượng cao, xanh, sinh thái, tuần hoàn; (iii) xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm du lịch của cả nước với các sản phẩm đặc sắc, chất lượng cao; (iv) hoàn thiện hệ thống cửa khẩu thông minh, khu hợp tác kinh tế qua biên giới đa ngành, trung tâm thương mại, logistics, tài chính, du lịch, trở thành trung tâm giao thương kinh tế của Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc.

Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Duy trì, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, tập trung khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới; trong đó, chú trọng đột phá về khoa học công nghệ, chuyển đổi số; tăng cường thu hút các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng chế biến sâu, nhất là chế biến sâu khoáng sản, gỗ, dược liệu; các sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực; xây dựng khu thương mại tự do, khu hợp tác qua biên giới, hoàn thành cửa khẩu thông minh để gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu; phát triển du lịch dịch vụ, nhất là du lịch qua biên giới;

phát triển kinh tế đồi rừng; xây dựng thị trường mua bán, tín chỉ carbon, năng lượng tái tạo,...

2. Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư chiến lược để huy động các nguồn lực ngoài ngân sách phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị, hạ tầng năng lượng,...

3. Về địa bàn ưu đãi đầu tư

Tập trung thu hút đầu tư vào các địa bàn ưu đãi đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 07/11/2025; ưu tiên phát triển và thu hút nhà đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai; các khu, cụm công nghiệp như Khu công nghiệp Trấn Yên, Khu công nghiệp Võ Lao, di chuyển Khu công nghiệp Đông Phố Mới, cụm công nghiệp Âu Lâu, Đàm Hồng, Phố Ràng,... cụm công nghiệp Hợp Minh, Thống Nhất 2, Bảo Hưng 2, Bát Xát... trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Về đối tác ưu tiên thu hút đầu tư

- Khuyến khích thu hút các đối tác có thương hiệu quốc gia và toàn cầu, có năng lực tài chính, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ.

- Tập trung thu hút, ưu tiên các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực về vốn, quản trị tiên tiến, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao, tạo ra nhiều việc làm, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo sức lan tỏa và khả năng dẫn dắt, phát triển các ngành, lĩnh vực, các khu vực kinh tế trọng điểm, động lực theo định hướng, quy hoạch của tỉnh.

5. Về nội dung, phương thức xúc tiến, thu hút đầu tư

Đổi mới, đa dạng hóa phương thức xúc tiến đầu tư, ưu tiên các hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; tiếp tục duy trì hoạt động “xúc tiến đầu tư tại chỗ”, các hoạt động đối thoại, tọa đàm, trao đổi để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư kết hợp với xúc tiến thương mại, du lịch, ngoại giao kinh tế. Thực hiện công tác xúc tiến đầu tư tại nước ngoài thông qua các đoàn công tác của tỉnh tại nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp,...) tăng cường các kênh xúc tiến đầu tư trực tuyến và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số hóa các ấn phẩm, tài liệu xúc tiến đầu tư để tiếp xúc, quảng bá rộng rãi đến các nhà đầu tư, tạo điều kiện cho nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin về môi trường, thủ tục cũng như những ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, không gian phát triển mới, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; tăng cường huy động các nguồn vốn cho đầu tư

phát triển, đặc biệt là các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước. Tích cực tạo quỹ đất “sạch” phục vụ cho các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, giao thông, khu công nghiệp, khu thương mại dịch vụ, khu du lịch... Tạo bước đột phá để đến năm 2030, xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam – Trung Quốc theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”.

- Tiếp tục nâng cao các chỉ số, bộ chỉ số cấp tỉnh trong các lĩnh vực cải cách hành chính, hài lòng của người dân, nâng cao năng lực cạnh tranh, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo (Par Index, SIPAS, PAPI, PCI, DTI, PGI, PII),... để tạo sức hút trong thu hút đầu tư.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Phần đầu tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân cho giai đoạn 2026-2030 từ 10%/năm trở lên.

- Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 5 năm đạt trên 500 nghìn tỷ đồng.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 12%/năm. Doanh thu du lịch đạt 70 nghìn tỷ đồng. Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua địa bàn đạt 10 tỷ USD.

- Toàn tỉnh có trên 18 nghìn doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 60%; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế ngoài nhà nước trong GRDP đạt trên 72%.

- Phần đầu đến năm 2030, toàn tỉnh có thêm 2.000 ha đất công nghiệp, cụm công nghiệp.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

1. Nghiên cứu thị trường, tiềm năng, xu hướng và đối tác đầu tư

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương, Bộ Tài chính để kịp thời cập nhật các xu hướng đầu tư trên thế giới, các định hướng của Đảng, Chính phủ; phối hợp với đại diện xúc tiến đầu tư tại các nước để nắm bắt định hướng chính sách của nước sở tại và các Tập đoàn, doanh nghiệp lớn.

- Tổ chức hoạt động đối ngoại, hợp tác, ngoại giao đoàn gắn với hoạt động xúc tiến đầu tư theo Kế hoạch hằng năm và kết nối với các địa phương nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài nhằm quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh, mở rộng quan hệ hợp tác giữa tỉnh Lào Cai với các nước, thúc đẩy thương mại, đầu tư, xuất khẩu hàng hóa; kết nối các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, kinh tế cửa khẩu...

2. Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, cơ quan truyền thông trong nước để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh, lĩnh vực thu

hút đầu tư của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chú trọng giới thiệu thông tin về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư của tỉnh.

- Tiếp xúc, gặp gỡ với các đại sứ quán, thương vụ của nước ngoài tại Việt Nam và liên hệ với các đại sứ quán, thương vụ, đại diện đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài để cung cấp tài liệu, thông tin quảng bá hình ảnh của tỉnh đến với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư do các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố tổ chức để quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư của tỉnh.

- Tổ chức đoàn công tác của tỉnh gắn với hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch tại các quốc gia như Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc... và một số địa phương nước ngoài đã thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị, ký kết thỏa thuận hợp tác với tỉnh, tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài tại Belarus, Nga, UAE, Qatar, Tây Ban Nha, Đức...

- Đón tiếp, làm việc, tiếp xúc với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng và các đối tác đến khảo sát, tìm hiểu môi trường đầu tư tại tỉnh.

- Thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư đối với một số đối tác trọng điểm, trong đó lựa chọn các đối tác, các tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực ưu tiên, thế mạnh của tỉnh.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh ở trong và ngoài nước nhằm quảng bá tiềm năng, cơ hội, môi trường đầu tư kinh doanh, giới thiệu định hướng phát triển, dự án trọng điểm, kết nối doanh nghiệp, thúc đẩy hợp tác giữa tỉnh Lào Cai và các tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược.

3. Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư

- Công khai văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, lĩnh vực (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước), văn bản chỉ đạo điều hành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,... tại trụ sở cơ quan, đơn vị, trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, ứng dụng Công dân số và các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, cộng đồng doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, tiếp cận dưới nhiều hình thức. Cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư, quy định pháp luật, cơ chế chính sách theo yêu cầu của nhà đầu tư và hướng dẫn thủ tục về đầu tư, các quy định chính sách, pháp luật.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực nhằm đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực và tăng cường giám sát kiểm tra, đề cao tinh thần 07 dám “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung”; phân công phải 05 rõ “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm”. Duy trì và nhân rộng các

kinh nghiệm chính sách tốt, tiên tiến về quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ, đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, cơ chế gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư; rà soát, tháo gỡ những vướng mắc trong quy trình đầu tư, thủ tục hành chính; chủ động tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ, làm việc trực tiếp với nhà đầu tư đã và đang trong quá trình nghiên cứu, tiếp cận, thực hiện các thủ tục về đầu tư; hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

- Thực hiện thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Lào Cai với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ xúc tiến, thu hút đầu tư, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, góp phần bảo đảm thực hiện các mục tiêu quan trọng về kinh tế - xã hội.

4. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư

- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến đầu tư và quản lý đầu tư. Cập nhật các thông tin về định hướng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, thông tin về môi trường đầu tư của tỉnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách quy trình, thủ tục hành chính về đầu tư.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, trao đổi và cung cấp thông tin xúc tiến đầu tư qua mạng internet để nâng cao hiệu quả sử dụng tài liệu, tiết kiệm kinh phí, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số.

5. Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư

Rà soát, xây dựng danh mục các dự án thu hút đầu tư đến năm 2030, đảm bảo phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư

- Rà soát, cập nhật các văn bản pháp luật mới ban hành có liên quan đến hoạt động đầu tư, thông tin số liệu, tài liệu, quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, lĩnh vực để phục vụ công tác tiếp xúc, xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước đảm bảo phù hợp, hiệu quả, sát thực tiễn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số hóa các ấn phẩm, tài liệu Xúc tiến đầu tư để tiếp xúc, quảng bá đến rộng rãi các nhà đầu tư, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin về môi trường, thủ tục cũng như những ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

7. Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư

Cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn do Bộ Tài chính, Cục Đầu tư nước ngoài, Trung tâm Xúc tiến, Thông tin và Hỗ trợ đầu tư phía Bắc

tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh. Tổ chức chương trình học tập kinh nghiệm xúc tiến đầu tư tại các địa phương tiêu biểu trong nước.

8. Hợp tác về xúc tiến đầu tư

- Triển khai các hoạt động hợp tác với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và đối tác, địa phương nước ngoài có quan hệ hợp tác với tỉnh như: Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Trung Quốc, Bỉ...

- Kết nối với các Tổ chức xúc tiến thương mại, đầu tư của các nước, các tổ chức, hội, hiệp hội doanh nghiệp, cơ quan hợp tác quốc tế trong và ngoài nước tại Việt Nam (KCCI, Kotra, KIBIZ, Jetro, Jica,...) và cơ quan báo chí để xây dựng kênh thông tin hiệu quả về môi trường đầu tư, định hướng thu hút đầu tư của tỉnh.

- Tham gia các hội nghị chuyên đề để tiếp cận các tổ chức tư vấn, các quỹ đầu tư nhằm hợp tác, xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng đồng bộ và tổ chức hiệu quả cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền cho cấp cơ sở và người đứng đầu nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo hướng địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm.

2. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và hiện đại, có tính liên kết cao; trọng tâm là xây dựng hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và quốc tế, đa phương thức, phát triển hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, khu hợp tác kinh tế tự do biên giới, trung tâm logistics hiện đại, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng du lịch, chuỗi đô thị dọc trục động lực sông Hồng và hạ tầng công nghệ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường thu hút đầu tư vào tỉnh.

3. Tăng cường cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp; tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định, bền vững, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trên địa bàn.

4. Đẩy mạnh đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao có cơ cấu hợp lý, có kỹ năng nghề nghiệp, có trình độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và toàn xã hội. Tạo đột phá về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực lao động khu vực ngoài quốc doanh; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân lớn mạnh trong sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ; thu hút chuyên gia, nhà khoa học phục vụ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực tỉnh có lợi thế.

5. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ, đổi mới phương thức, đa dạng hóa nội dung hoạt động đối thoại giữa chính quyền các cấp và doanh nghiệp, nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai dự án đầu tư tại tỉnh. Đảm bảo củng cố và giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh.

6. Thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư được tiếp cận đầy đủ các chính sách, tạo động lực cho triển khai các dự án đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh; khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và thực hiện chuyển đổi số.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư hàng năm được bố trí từ ngân sách địa phương và kinh phí đóng góp của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030: **85.673 triệu đồng** (Tám mươi lăm tỷ, sáu trăm bảy mươi ba triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư trong tỉnh, ngoài tỉnh và làm việc với các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài.

- Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác xúc tiến đầu tư. Tham mưu, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định, góp phần xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hệ thống hóa các cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư trong văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp, nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai dự án đầu tư.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư theo đúng phân cấp về quản lý ngân sách và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Căn cứ Kế hoạch xúc tiến đầu tư tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, chủ trì phối hợp với các sở, ngành địa phương xây dựng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm trên địa bàn tỉnh để tổ chức, triển khai thực hiện.

2. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan đơn vị liên quan tham mưu

các nội dung, tham gia các hoạt động giới thiệu, quảng bá, xúc tiến đầu tư lồng ghép trong hoạt động đối ngoại của lãnh đạo tỉnh tại nước ngoài.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh về ưu đãi, thu hút đầu tư, cải thiện môi trường cạnh tranh liên quan đến lĩnh vực đất đai, đảm bảo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Tiếp tục rà soát cải cách thủ tục hành chính về đất đai; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các khâu công việc giải quyết hồ sơ, rút ngắn thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai, đặc biệt là thủ tục giao đất, cho thuê đất.

4. Sở Công Thương

- Tham mưu, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung các hiệp định thương mại tự do (FTA).

- Hỗ trợ, phối hợp thẩm định và rà soát đánh giá các dự án về thương mại - công nghiệp - dịch vụ đến triển khai trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, sản phẩm của tỉnh phù hợp với cam kết, tiêu chuẩn quốc tế.

- Phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước, nước ngoài.

5. Sở Xây dựng

- Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh quy hoạch và xây dựng quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch đô thị; lập danh mục các dự án mời gọi đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, đôn đốc triển khai các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý, như sản xuất vật liệu xây dựng, nhà ở, dự án khu đô thị,...

- Rà soát, đơn giản hóa và rút ngắn thời gian các thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt quy hoạch và cấp phép xây dựng.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiên cứu, đề xuất quy định hỗ trợ đầu tư về chuyển giao công nghệ, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước sử dụng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học.

7. Sở Tư pháp

Nâng cao chất lượng kiểm tra đề xuất xây dựng quyết định, thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, loại bỏ những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không hợp lý, khả thi, gây khó khăn trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh. Tham mưu, đề xuất các chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Nội vụ

Rà soát, nghiên cứu tham mưu quy định về hỗ trợ đào tạo nghề trong các doanh nghiệp. Thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và

cơ quan liên quan để đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân, tạo đồng thuận cao trong việc thu hút đầu tư vào tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước, nước ngoài.

10. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Tài chính, Ban Quản lý khu kinh tế, Ban Quản lý các khu công nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch, khảo sát, thực hiện dự án đầu tư tại tỉnh.

11. Ban Quản lý khu kinh tế, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

- Phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước, nước ngoài.

- Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định cắt giảm thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Chủ động hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án đầu tư trong khu kinh tế, các khu công nghiệp của tỉnh, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

12. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

- Triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư đã được phê duyệt tại Kế hoạch này. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; lồng ghép với xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch, ngoại giao kinh tế để tăng hiệu quả, tiết kiệm chi phí.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm; danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư; các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh.

- Tăng cường phối hợp, kết nối với Cục Đầu tư nước ngoài, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức, hội, hiệp hội doanh nghiệp, cơ quan hợp tác quốc tế; các đối tác trong và ngoài nước... để quảng bá hình ảnh, đẩy mạnh thu hút đầu tư.

- Xây dựng các ấn phẩm xúc tiến đầu tư, cung cấp thông tin, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh và cơ hội đầu tư của tỉnh.

- Đầu mối tiếp đón, hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình

nghiên cứu, tìm kiếm, lựa chọn cơ hội, hình thành dự án đầu tư và thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư tại tỉnh.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu tổ chức hoạt động đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai dự án đầu tư.

13. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trên các phương tiện thông tin truyền thông để thu hút các nhà đầu tư nghiên cứu, thực hiện đầu tư vào tỉnh.

14. Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm, chủ động xây dựng, đề xuất các dự án mời gọi, thu hút đầu tư vào tỉnh.

- Phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thực hiện đầu tư dự án và thu hút lao động cho các doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch Xúc tiến đầu tư tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, Kế hoạch có thể điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm theo quy định hiện hành./.

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
	Tổng cộng				16.385,59		16.386,00		16.996,18		17.616,97		18.288,36		<u>85.673,10</u>
I	Nghiên cứu tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư				422,30		434,97		448,02		461,46		484,53		2.251,28
1	Tổ chức đoàn đi làm việc, khảo sát, nghiên cứu mô hình quản lý, thu hút đầu tư với đối tác, nhà đầu tư trong và ngoài nước để đẩy mạnh XTĐT tại một số tỉnh, thành phố trong nước	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, các tỉnh, thành phố trong nước	Quý II, III các năm	422,30		434,97		448,02		461,46		484,53		
II	Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư				849,80		875,29		901,55		928,60		975,03		4.530,28
1	Xây dựng phóng sự (video) giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, chính sách, dự án thu hút đầu tư của tỉnh (phụ đề song ngữ Việt - Anh, Việt - Trung)	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, Báo và PTTH, UBND phường, xã	Quý I các năm	149,80		154,29		158,92		163,69		171,88		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
2	Công tác tuyên truyền, đăng thông tin xúc tiến, mời gọi đầu tư, chuyên đề về phát triển KT-XH trên các Báo, Đài, phương tiện thông tin đại chúng Trung ương và địa phương theo định hướng chỉ đạo của tỉnh; quảng bá hình ảnh, tiềm năng của tỉnh trên kênh truyền hình hoặc các Tạp chí kinh tế của Trung ương	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Công thông tin điện tử, các báo đài trung ương và địa phương	Quý I các năm	700		721		742,63		764,91		803,15		
III	Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động xúc tiến đầu tư				546,20		562,59		579,46		596,85		626,69		2.911,79
1	Đón tiếp và làm việc với các tổ chức, tập đoàn kinh tế, nhà đầu tư, DN trong và ngoài nước đến tìm hiểu môi trường đầu tư, khảo sát lập dự án đầu tư tại tỉnh nhằm đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, các tổ chức, DN liên quan	Quý I các năm	176,20		181,49		186,93		192,54		202,17		
2	Tổ chức các hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, các sở ngành, địa phương liên quan để trao đổi tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư (01 lần/quý)	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, các tổ chức, DN liên quan, các nhà đầu tư	Quý I, II, III, IV các năm	370		381,10		392,53		404,31		424,52		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
IV	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư				1.000		1.030		1.060,90		1.092,73		1.147,36		5.330,99
1	Chi phí xây dựng phần mềm theo dõi các dự án chấp thuận đầu tư vốn ngoài ngân sách để quản lý, giám sát hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị thuê tư vấn	Quý I các năm	1.000		1.030		1.060,90		1.092,73		1.147,36		
V	Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư				500		515		530,45		546,36		573,68		2.665,50
1	Xây dựng danh mục và Profile các dự án thu hút đầu tư vào tỉnh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý I, II các năm	500		515		530,45		546,36		573,68		
VI	Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư				1.424,65		1.237,39		1.250,51		1.664,03		1.335,52		6.912,10
1	Xây dựng cuốn tài liệu "Sổ tay hướng dẫn thủ tục đầu tư" song ngữ Việt - Anh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý I, II các năm							200				

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
2	Chi phí chỉnh sửa, in ấn tái bản, bổ sung cuốn "Sổ tay hướng dẫn thủ tục đầu tư" song ngữ Việt - Anh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành	Quý I, II các năm	84,05		86,57		89,17		91,84		130		
3	Xây dựng cuốn tài liệu "Thông tin cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư" song ngữ Việt - Anh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý I, II các năm							200				
4	Chi phí chỉnh sửa, in ấn tái bản, bổ sung cuốn "Thông tin cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư" song ngữ Việt - Anh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý I, II các năm	117,90		121,44		125,08		128,83		150		
5	Xây dựng, in ấn các ấn phẩm cho quảng bá du lịch chung cho khu vực Tây Bắc mở rộng (tập gấp giới thiệu du lịch cộng đồng; du lịch sinh thái; du lịch leo núi; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch tâm linh, sách ảnh về Khu vực Tây Bắc,...)	Sở Văn hóa, TT và DL; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý I, II các năm	500		300		300		300		300		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
6	Xây dựng ấn phẩm tài liệu giới thiệu tiềm năng thế mạnh, cơ hội đầu tư của tỉnh song ngữ Việt - Anh, Việt - Trung, Việt - Nhật, Việt - Hàn (bản in và tài liệu điện tử)	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý I, II các năm	187,70		193,33		199,13		205,10		215,36		
7	Xây dựng danh mục, thông tin khu, điểm du lịch tiềm năng của tỉnh	Sở Văn hóa, TT và DL; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý I, II các năm	500		500		500		500		500		
8	Chi phí thiết kế; dịch thuật; in ấn các tài liệu phục vụ công tác tiếp xúc, làm việc với tổ chức, nhà đầu tư theo các chương trình phát sinh của tỉnh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các đơn vị liên quan	Quý I, II các năm	35		36,05		37,13		38,25		40,16		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
VII	Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư				55		56,65		58,35		60,10		63,10		293,2
1	Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng tăng cường năng lực về công tác XTĐT	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trong nước	Quý I, II các năm	55		56,65		58,35		60,10		63,10		
VIII	Hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư				2.887,64		2.713,11		2.937,11		2.760,12		3.100,38		14.398,36
1	Triển khai các hoạt động hợp tác giữa tỉnh Lào Cai với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) như trao đổi, làm việc, phối hợp tổ chức các nội dung, chương trình nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn,nâng cao chỉ số PCI của tỉnh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan trong tỉnh, VCCI	Quý I các năm	45		46,35		47,74		49,17		51,63		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
2	Tổ chức hội nghị xúc tiến, hội thảo, diễn đàn, ngày hội du lịch tại các địa bàn trọng điểm, vùng kinh tế như: TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội, TP Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa,...và các tỉnh thành phố có quan hệ hợp tác khác	Sở Văn hóa, TT và DL; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường của tỉnh; các tỉnh, thành phố có liên quan	Quý II các năm	1.000		1.000		1.000		1.000		1.000		
3	Đi làm việc với các đơn vị, tổ chức Trung ương và các tổ chức khác về XTĐT; làm việc với nhà đầu tư tiềm năng, một số tổ chức, địa phương khác ngoài tỉnh về XTĐT; tham dự hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, các cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trong nước	Cả năm	99		101,97		105,03		108,18		113,59		
4	Tổ chức hội nghị về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, các cơ quan trung ương	Quý I các năm	171		176,13		181,41		186,86		196,20		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
5	Tổ chức 01 hội nghị/hội thảo xúc tiến, thu hút đầu tư trong các ngành có lợi thế của tỉnh	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, các cơ quan trung ương	Quý II các năm	500		515		530,45		546,36		573,68		
6	Tổ chức hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp, nhà đầu tư nhân ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10 (Quy mô: 300 đại biểu)	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành, HHDN tỉnh	Tháng 10 các năm	274,59		282,83		291,31		300,05		315,05		
7	Tổ chức 01 hội nghị xúc tiến đầu tư tại khu trung tâm kinh tế lớn của cả nước (Quy mô 250-300 đại biểu)	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành	Quý II các năm	427,99		440,83		400		412		450		
8	Tổ chức 01 hội nghị chính sách thu hút đầu tư vào tỉnh Lào Cai bên lề Hội chợ Kinh tế thương mại và Du lịch biên giới Trung - Việt (Hà Khẩu) năm 2026, 2028, 2030	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành	Quý IV năm 2026, 2028, 2030	370,06				381,16				400,22		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng cộng
					Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Nguồn xã hội hóa	
9	Tổ chức 01 hội nghị chính sách thu hút đầu tư vào tỉnh Lào Cai bên lề Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt - Trung (Lào Cai) năm 2027, 2029	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	Các sở, ban, ngành	Quý IV năm 2027, 2029			150				158				
IX	Kinh phí thực hiện các hoạt động theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh (các đoàn ra làm việc, đoàn ngoại giao gắn với hoạt động nghiên cứu thị trường tại nước ngoài)	Sở Tài chính; Trung tâm XTĐT, TM và DL tỉnh	VP UBND tỉnh; Sở Ngoại vụ và các sở, ngành	Các năm	8.700		8.961		9.229,83		9.506,72		9.982,06		46.379,62